

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng (đá tảng lẫn, công suất 10.000 m<sup>3</sup> đá thành phẩm/năm) tại sườn phía Tây núi Hòn Chà, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định của Công ty Cổ phần Phú Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản số 2681/STNMT-CCBVMT ngày 10/8/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đá làm vật liệu xây dựng tại sườn phía Tây núi Hòn Chà, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định của Công ty Cổ phần Phú Tài;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng (đá tảng lẫn, công suất 10.000 m<sup>3</sup> đá thành phẩm/năm) tại sườn phía Tây núi Hòn Chà, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 324/CV-PT ngày 12/9/2023 của Công ty Cổ phần Phú Tài;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1141/TTr-STNMT ngày 20/9/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng (đá tảng lẫn, công suất 10.000 m<sup>3</sup> đá thành phẩm/năm) (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Phú

Tài (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại sườn phía Tây núi Hòn Chà, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND huyện Tuy Phước;
- UBND xã Phước Thành;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tuấn Thanh**

**Phụ lục**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**  
**KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN ĐÁ LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG**  
**(ĐÁ TẢNG LĂN, CÔNG SUẤT 10.000 M<sup>3</sup> ĐÁ THÀNH PHẨM/NĂM)**  
**TẠI SƯỜN PHÍA TÂY NÚI HÒN CHÀ, XÃ PHƯỚC THÀNH,**  
**HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ TÀI**

*(Kèm theo Quyết định số           /QĐ-UBND ngày            /            /2023 của UBND tỉnh)*

**1. Thông tin về Dự án**

**1.1. Thông tin chung**

- Tên dự án: Khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng (đá tảng lăn, công suất 10.000 m<sup>3</sup> đá thành phẩm/năm).
- Địa điểm thực hiện: sườn phía Tây núi Hòn Chà, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty Cổ phần Phú Tài.
- Địa chỉ liên hệ: Số 278 đường Nguyễn Thị Định, Phường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Điện thoại: 0256.3847668 (Ông Lê Văn Thảo, Chức vụ: Tổng Giám đốc).

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:**

- Diện tích dự án: 19,88 ha, trong đó:
  - + Diện tích khai trường khai thác là 9,1872 ha (chỉ khai thác diện tích các bãi đá tảng lăn) gồm: bãi đá tảng lăn deluvi có kích thước 1-3 m<sup>3</sup> với diện tích là 6.482 m<sup>2</sup>; bãi tảng đá lăn deluvi có kích thước > 3 m<sup>3</sup> với diện tích là 65.341 m<sup>2</sup>; bãi đá tảng lăn eluvi có kích thước >1 m<sup>3</sup> với diện tích là 20.049 m<sup>2</sup>.
  - + Diện tích sân công nghiệp 1,0718 ha.
  - + Diện tích còn lại là 9,621 ha không thực hiện khai thác khoáng sản, bao gồm: đường nội bộ, cây rừng hiện trạng,...
- Tuổi thọ mỏ: 08 năm (đến hết ngày 09/5/2031 theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 41/GP-UBND ngày 10/5/2011 của UBND tỉnh).
- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00).
- Công suất dự án: 10.000 m<sup>3</sup>/năm đá thành phẩm (bao gồm: Đá khối quy cách 4.000 m<sup>3</sup>/năm, đá làm vật liệu xây dựng thông thường 6.000 m<sup>3</sup>/năm).

**1.3. Phương pháp khai thác và chế biến**

- Phương pháp khai thác: Khai thác theo lớp bằng, khai thác từ trên xuống dưới, chỉ thực hiện khai thác đá tảng lăn, không khai thác đá gốc và hoàn thổ hố

đào đá tảng lẫn sau khi khai thác xong. Vị trí mở moong khai thác từ phía Đông tại cos +300m.

- Phương pháp chế biến: đá tảng lẫn được đưa về khu vực chế biến tại sân công nghiệp → đục đẽo thủ công → Sản phẩm (đá chẻ, đá cubic).

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

- Hạng mục công trình chính: Nhà điều hành; trạm biến áp; tuyến đường tạm trong mỏ, 01 khu vực tập kết đá khối, 01 khu vực chế biến đá thủ công,...

- Hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:

+ Nhà vệ sinh (có bể tự hoại).

+ Kho chứa chất thải nguy hại, khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

+ 01 hồ lắng phía Tây Nam dự án; 01 hồ lắng phía Tây Bắc dự án; 01 hồ lắng phía Tây dự án.

+ 01 bãi lưu chứa đá vụn thải, 01 bãi lưu chứa đất tầng phủ để phục hồi môi trường (bố trí ở năm thứ 8).

- Các hoạt động của dự án:

+ Bóc đất tầng phủ.

+ Phát quang cây rừng và cây bụi hiện trạng.

+ Xây dựng các công trình phục vụ hoạt động của dự án (các hạng mục công trình chính, công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường nêu trên).

+ Khai thác (sử dụng khoan, vật liệu nổ).

+ Chế biến đá làm vật liệu xây dựng.

+ Vận chuyển sản phẩm đi tiêu thụ.

+ Cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng với diện tích 13,5 ha (bao gồm: 3,4 ha thuộc quy hoạch rừng phòng hộ và 10,1 ha thuộc quy hoạch rừng sản xuất).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Hoạt động khai thác đá gây nguy cơ sạt lở, gây sa bồi, thủy phá vùng hạ lưu; phát sinh nước thải (do nước mưa cuốn theo đất, đá thải) và tiếng ồn (do nổ mìn).

- Bãi lưu chứa đất tầng phủ, bãi chứa đá thành phẩm có khả năng gây cản trở dòng chảy, sạt lở, sa bồi vùng hạ lưu.

- Bụi, ồn, khí thải từ hoạt động khai thác, chế biến và vận chuyển.

- Hoạt động sinh hoạt của người lao động tại dự án phát sinh chất thải sinh hoạt (chất thải rắn và nước thải).

- Hoạt động bảo trì, bảo dưỡng thiết bị vận chuyển, khai thác và chế biến đá gây phát sinh chất thải công nghiệp và nguy hại.

### **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:**

#### 3.1. Nước thải; bụi, khí thải

- Nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt: khoảng 2,4 m<sup>3</sup>/ngày, có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.

+ Nước mưa chảy tràn có kéo theo đất, bùn (được tính cho ngày mưa lớn nhất) khoảng 20.175 m<sup>3</sup>/ngày.

- Bụi, khí thải: phát sinh trong quá trình khai thác, chế biến và vận chuyển sản phẩm.

#### 3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn:

+ Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 18 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy, gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

+ Chất thải rắn sản xuất: Đất bóc tầng phủ khoảng 35.000 m<sup>3</sup>/năm (phát sinh trong quá trình khai thác), đá vụn khoảng 900 m<sup>3</sup>/năm (phát sinh trong quá trình chế biến thủ công tại mỏ).

- Chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

+ Bóng đèn huỳnh quang thải (Mã chất thải: 16 01 06), khối lượng phát sinh khoảng 15 kg/năm, trạng thái rắn.

+ Dầu động cơ, hộp số, bôi trơn (mỡ thải) (Mã chất thải: 17 02 03), khối lượng phát sinh khoảng 30 kg/năm, trạng thái lỏng.

+ Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã chất thải: 18 02 01), khối lượng phát sinh khoảng 40 kg/năm, trạng thái lỏng.

3.3. Tiếng ồn, độ rung: tiếng ồn phát sinh trong quá trình khai thác, chế biến và vận chuyển đá đến nơi tiêu thụ.

3.4. Các tác động khác: nguy cơ xói mòn, sạt lở đất, đá do quá trình khai thác, chế biến đá và phát quang cây rừng.

### **4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:**

#### 4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

##### 4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

a) Đối với nước thải sinh hoạt: Xây dựng nhà vệ sinh có hầm tự hoại để thu gom và xử lý theo quy định.

b) Đối với nước mưa chảy tràn có kéo theo đất, đá, bùn:

- Hệ thống thu gom, thoát nước: Tận dụng các rãnh thoát nước hiện trạng

trong khu vực dự án dẫn nước về hồ lắng và hệ thống mương hở thoát hai bên tuyến đường vận chuyển, kích thước (1m×0,5m), dài 802 m.

- Hồ lắng ở phía Tây Nam dự án có tọa độ X = 1.523.820, Y = 594.970 (hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3<sup>0</sup>, kinh tuyến trực 108°15'). Thể tích khoảng 672 m<sup>3</sup> (dài × rộng × sâu = 28m × 8m × 3m). Kết cấu: hồ đào, xung quanh có bờ bao gia cố kiên cố, chia làm 2 ngăn. Quy trình: Nước mưa → Rãnh thoát nước hiện trạng và mương thoát hai bên đường → Hồ lắng phía Tây Nam dự án → Rãnh thoát nước hiện trạng → Suối phía Tây Nam dự án.

- Hồ lắng ở phía Tây dự án, có tọa độ X = 1.524.027, Y = 595.063 (hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3<sup>0</sup>, kinh tuyến trực 108°15'). Thể tích khoảng 1.230 m<sup>3</sup> (dài × rộng × sâu = 41m × 10m × 3m). Kết cấu: hồ đào, xung quanh có bờ bao gia cố kiên cố, chia làm 2 ngăn. Quy trình: Nước mưa → Rãnh thoát nước hiện trạng và mương thoát hai bên đường → Hồ lắng phía Tây dự án → Rãnh thoát nước hiện trạng → Suối phía Tây dự án.

- Hồ lắng ở phía Tây Bắc dự án, có tọa độ X = 1.524.296, Y = 595.018 (hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3<sup>0</sup>, kinh tuyến trực 108°15'). Thể tích khoảng 1.230 m<sup>3</sup> (dài × rộng × sâu = 41m × 10m × 3m). Kết cấu: hồ đào, xung quanh có bờ bao gia cố kiên cố, chia làm 2 ngăn. Quy trình: Nước mưa → Rãnh thoát nước hiện trạng → Hồ lắng phía Tây Bắc dự án → Rãnh thoát nước hiện trạng → Suối phía Tây Bắc dự án.

Nước thải sau xử lý tại các hồ lắng đạt cột B, quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp ( $K_q = 0,9$ ,  $K_f = 1$ ).

#### 4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

- Trên tuyến đường vận chuyển: Các xe vận chuyển che phủ bằng bạt, không để rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển; phối hợp với các đơn vị khai thác trong khu vực để có kế hoạch sử dụng xe chuyên dụng tưới nước trên tuyến đường vận chuyển (đoạn đường có đi qua khu dân cư) với tần suất 02 lần/ngày và tăng cường vào mùa nắng; định kỳ cải tạo, nâng cấp tuyến đường đảm bảo hoạt động giao thông trong khu vực.

- Tại khu vực khai thác: Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân; phun nước giảm bụi tại các khu vực dễ phát sinh bụi.

- Trồng cây xanh giảm thiểu bụi tại khu vực văn phòng và một số vị trí phù hợp trong dự án và trên tuyến đường.

#### 4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a) Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí các thiết bị thu gom rác thải sinh hoạt để thu gom tất cả rác thải sinh hoạt và phối hợp với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định.

b) Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Đất bốc tăng phủ trong quá trình khai thác để phục hồi môi trường với khối lượng khoảng 4.327 m<sup>3</sup>, bố trí bãi lưu chứa tại khu vực sân công nghiệp để phục hồi môi trường (dài × rộng × cao = 66m × 22m × 3m). Kết cấu bãi thải có kè chắn xung quanh và hệ thống thoát nước bãi thải.

- Đá vụn trong quá trình chế biến thủ công với khối lượng khoảng 900 m<sup>3</sup> đá/năm, lưu chứa tại khu vực sân công nghiệp (dài × rộng × cao = 30m × 10m × 3m).

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại:

- Xây dựng kho lưu chứa chất thải nguy hại tại phía Bắc sân công nghiệp, kết cấu như sau: Mặt sàn chống thấm, có mái che, có cửa (dán ký hiệu nhận biết), bên trong có trang bị các thiết bị lưu chứa (dán tên, mã chất thải nguy hại).

- Thực hiện thu gom tất cả chất thải nguy hại phát sinh tại dự án, đưa vào khu vực lưu chứa. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường hàng năm với các nội dung sau:

STT	Nội dung công việc	Khối lượng/Đơn vị	Kết quả sau khi phục hồi môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
<b>I</b>	<b>Khu vực khai thác</b>			
<b>1</b>	<b>Giai đoạn 1: Khu vực đã kết thúc khai thác (2,7701ha) tại cos +300m đến cos +280m</b>			
1.1	Cắm biển báo nguy hiểm bằng BTCT tại khu vực CTPHMT	8 cái	Đảm bảo an toàn	Thực hiện trước khi tiến hành khai thác và giữ lại sau khi kết thúc khai thác
1.2	San lấp hố đào đá tảng lãn	89.549 m <sup>3</sup>	Đưa địa hình về trạng thái bằng phẳng để tiến hành trồng rừng, không tạo hố sâu cục bộ so với mặt bằng xung quanh.	Kết thúc năm khai thác thứ 3 (triển khai và hoàn thành trong 30 ngày)
1.3	Trồng rừng keo lai phục hồi môi trường (mật độ 1.600 cây/ha)	2,7701 ha	Phủ xanh diện tích đã khai thác	

1.4	Đo vẽ địa hình sau khi kết thúc công tác CTPHMT	2,7701 ha	- Giám sát chiều sâu khai thác - Bản đồ địa hình khu vực dự án	
2	<b>Giai đoạn 2: Khu vực đã kết thúc khai thác (2,3061 ha) tại cos +280m đến cos +270m</b>			
2.1	San lấp hố đào đá tảng lẫn	71.800 m <sup>3</sup>	Đưa địa hình về trạng thái bằng phẳng để tiến hành trồng rừng, không tạo hố sâu cục bộ so với mặt bằng xung quanh.	Kết thúc năm khai thác thứ 5 (triển khai và hoàn thành trong 30 ngày)
2.2	Trồng rừng keo lai phục hồi môi trường (mật độ 1.600 cây/ha)	2,3061 ha	Phủ xanh diện tích đã khai thác	
2.3	Đo vẽ địa hình sau khi kết thúc công tác CTPHMT.	2,3061 ha	- Giám sát chiều sâu khai thác. - Bản đồ địa hình khu vực dự án	
3	<b>Giai đoạn 3: Khu vực đã kết thúc khai thác (4,111 ha) tại cos +270m đến cos +250m</b>			
3.1	San lấp hồ lắng và mương thoát nước dọc tuyến đường nội bộ, xúc bốc và vận chuyển đất san lấp hồ lắng, mương thoát nước dọc tuyến đường nội bộ	4.327 m <sup>3</sup>	Trả lại hiện trạng ban đầu	Kết thúc năm khai thác thứ 8 (triển khai và hoàn thành trong 30 ngày)
3.2	San lấp hố đào đá tảng lẫn	103.373 m <sup>3</sup>	Đưa địa hình về trạng thái bằng phẳng để tiến hành trồng rừng, không tạo hố sâu cục bộ so với mặt bằng xung quanh.	
3.3	Trồng rừng keo lai phục hồi môi trường (mật độ 1.600 cây/ha)	4,8169 ha	Phủ xanh diện tích đã khai thác	
3.3.1	Trồng rừng khu vực bãi đá lẫn	4,111 ha		
3.3.2	Trồng rừng tuyến đường nội bộ	0,6015 ha		
3.3.3	Trồng rừng khu vực hồ lắng	0,1044 ha		
3.4	Đo vẽ địa hình sau khi kết thúc công tác CTPHMT.	19,88 ha	- Giám sát chiều sâu khai thác. - Bản đồ địa hình khu vực dự án.	



II	<b>Khu vực sân công nghiệp 1,0718 ha</b>			
2.1	Tháo dỡ kè chắn bãi thải	78 m <sup>3</sup>	Trả lại hiện trạng ban đầu	Kết thúc năm khai thác thứ 8
2.2	Tháo dỡ công trình phụ trợ và trạm biến áp	1 hệ thống		
2.3	Trồng rừng keo lai phục hồi môi trường (mật độ 1.600 cây/ha)	1,0718 ha	Phủ xanh diện tích đã khai thác	
2.4	Cấm biển báo nguy hiểm bằng BTCT tại khu vực CTPHMT.	02 cái	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác.	Thực hiện trước khi tiến hành khai thác và giữ lại sau khi kết thúc khai thác

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường **2.837.669.000 đồng** (Hai tỷ tám trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

- Số lần ký quỹ: 08 lần, cụ thể số tiền như sau:

+ Lần 1, số tiền: 709.417.000 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Các lần còn lại, số tiền: 304.036.000 đồng; thời điểm ký quỹ: thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, số 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2023.

4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: không thực hiện.

4.4.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Khai thác đến đâu thì bóc đất tầng phủ đến đó, để giữ lại lớp phủ thực vật hạn chế xói mòn.

- Tuân thủ quy trình, phạm vi khai thác.

- Cấm các biển cảnh báo nguy hiểm cho người dân được biết tránh đến gần khu vực khai thác.

- Khi sự cố xảy ra lập tức dừng mọi hoạt động khai thác, báo động sự cố cho toàn mỏ; di dời lao động, thiết bị ra vùng an toàn, tìm hiểu nguyên nhân và triển khai khắc phục sự cố. Đồng thời, báo cáo kịp thời sự cố cho cơ quan chức năng địa phương để có phương án hỗ trợ giải quyết.

4.4.4. Các công trình, biện pháp khác: khắc phục các sự cố, rủi ro môi trường trong quá trình hoạt động dự án và bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do quá trình triển khai hoạt động dự án gây ra.

**5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:**

Giám sát thường xuyên sự cố sa bồi vào mùa mưa có khả năng ảnh hưởng đến khu vực hạ lưu; giám sát khu lưu chứa vụn đá thải, chất thải rắn khác theo đúng quy định.